

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 18/9/2023 - 22/9/2023

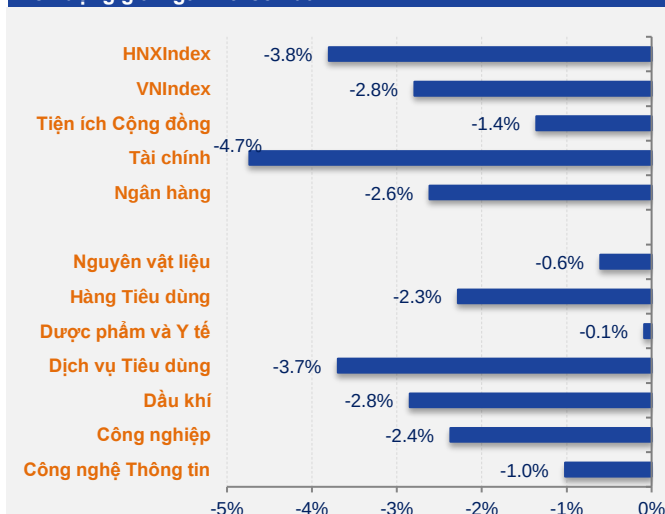
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,193.05	↓ -2.8%	243.15	↓ -3.8%
KLGD (trCP)	4,807.68	↓ -12.5%	570.77	↓ -2.9%
GTGD (tỷ VND)	118,484.47	↓ -11.1%	11,663.20	↓ -5.5%
Tổng cung (trCP)	10,460.13	↓ -13.3%	777.87	↓ -9.0%
Tổng cầu (trCP)	10,530.12	↓ -11.1%	691.42	↓ -6.5%

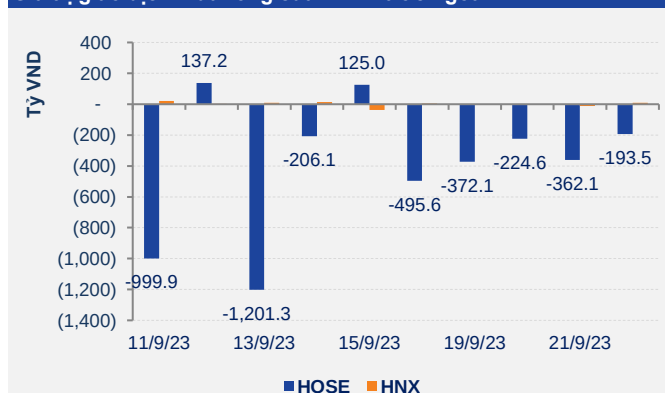
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	202.21	↓ -16.7%	4.00	↓ -20.8%
KL bán (trCP)	260.14	↓ -19.7%	5.44	↓ -0.5%
GT mua (tỷ VND)	7,024.60	↓ -19.9%	117.74	↓ -15.6%
GT bán (tỷ VND)	8,672.49	↓ -20.5%	123.11	↓ -3.5%

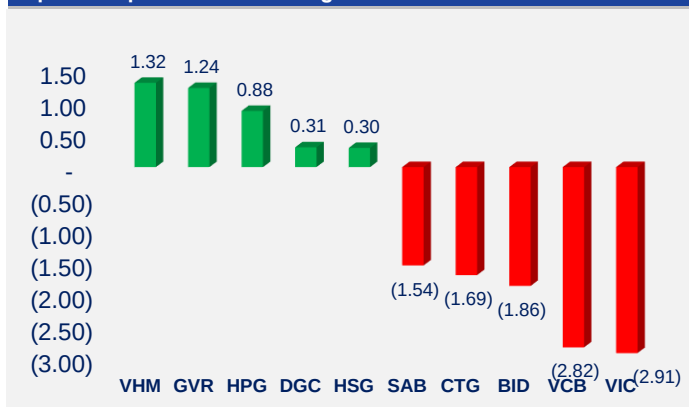
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Với áp lực điều chỉnh, thanh khoản gia tăng mạnh tuần trước. VN-INDEX tuần này tiếp tục có biến động rất mạnh khi 02 phiên đầu tuần điều chỉnh về vùng hỗ trợ tâm lý quanh 1.200 điểm sau đó phục hồi trở lại vùng giá 1.230 điểm. Áp lực bán tiếp tục gia tăng mạnh và rất đột biến trong phiên giao dịch cuối tuần khi VN-INDEX tạo khoảng trống giảm điểm từ đầu phiên, chịu áp lực bán mạnh về quanh 1.175 điểm mới phục hồi nhẹ trở lại với thanh khoản đột biến. Kết thúc tuần VN-INDEX giảm mạnh 2,80% so với tuần trước về mức 1.193,05 điểm. HNX-INDEX kết thúc tuần ở mức 252,76 điểm, giảm 1,34% so với tuần.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 118.474,10 tỉ đồng, giảm 11,1% so với tuần trước, khối lượng giao dịch giảm 12,5%. Khối lượng giao dịch trung bình gần 01 tỷ cổ phiếu/01 phiên ở HOSE, duy trì ở mức cao. Thanh khoản HNX giảm 5,5% với 11.663,20 tỉ đồng. Thể hiện áp lực bán ở mức cao đối với nhiều mã, nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, bán ròng mạnh tuần thứ 04 liên tiếp với giá trị gia tăng 1.647,89 tỉ đồng, tập trung bán mạnh ở nhóm thép, ngân hàng, dịch vụ tài chính, chứng khoán; bán ròng trên HNX với giá trị 5,37 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận nhiều thông tin trong tuần như kết thúc cuộc họp ngày 20/09/2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất duy trì ở phạm vi 5,0% đến 5,25%. Ngoài ra, FED cũng cho biết có thể sẽ thực hiện thêm một đợt tăng nữa trước cuối năm nay và có ít đợt hạ lãi suất hơn so với dự kiến vào năm tới; Ngân hàng trung ương Anh (BoE) đã quyết định tạm dừng đợt tăng lãi suất kéo dài gần 2 năm qua trong bối cảnh nền kinh tế nước này tăng trưởng chậm lại; Thị trường tiền tệ Việt Nam cũng ghi nhận một diễn biến đáng chú ý khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã mở lại kênh hút tiền qua kênh tín phiếu sau hơn 6 tháng tạm dừng. Cụ thể, NHNN ngày 21/9/2023 đã chào thầu thành công gần 10.000 tỷ đồng tín phiếu cho 2 thành viên thị trường với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất 0,69%.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến kém tích cực nhất với áp lực bán mạnh đột biến trong những phiên cuối tuần như VIX (-9,44%), SHS (-9,18%), VFS (-8,90%), BSI (-8,78%)... Các cổ phiếu ngân hàng ngoài NAB (+2,78%), STB (+1,23%) tăng điểm trong tuần, đa số cũng chịu áp lực bán, thanh khoản trên mức trung bình như EIB (-8,94%), LPB (-8,57%), VIB (-5,80%), VPB (-5,76%)....

Nhóm bất động sản sau tuần giao dịch trước có diễn biến kém tích cực, đa số tiếp tục chịu áp lực bán mạnh trong tuần này với thanh khoản gia tăng như CEO (-11,81%), QCG (-10,00%), CII (-9,44%), TDH (-9,00%), NVL (-7,94%), HDG (-6,53%), PDR (-6,31%)....

Trong khi đó nhóm cổ phiếu xuất khẩu lại có diễn biến khá tích cực phiên trước những kỳ vọng tình hình xuất khẩu cải thiện cho nhu cầu cuối năm và đồng USD cải thiện, nổi bật như thủy sản ANV (+15,29%), IDI (+10,79%), CMX (+8,84%), VHC (+8,55%)... hóa chất CSV (+16,06%), DGC (+7,93%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 đáo hạn và bắt đầu chuyển sang kỳ hạn chính VN30F2310, kết thúc tuần giảm mạnh 22,5 điểm (-2,29%), chênh lệch âm -5,09 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng mạnh đột biến thể hiện áp lực bán mạnh, phòng ngừa rủi ro giảm điểm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -7,69 điểm đến -15,09 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng. Cho thấy các kém lạc quan khi nghiên về VN30 tiếp tục điều chỉnh, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn hơn trên thị trường phái sinh.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 18/9/2023 - 22/9/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần thứ 2 điều chỉnh VnIndex đã đánh mất ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm và trong phiên cuối tuần có lúc chạm ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 1.175 điểm. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.193,05 điểm (-34,31 điểm, -2,80%). Nhịp điều chỉnh đang diễn ra là nhịp điều chỉnh thứ 2 xuất hiện ở vùng cản 1.250 điểm nên sẽ cần nhiều thời gian để thị trường bình ổn trở lại và hình thành nền tảng tích lũy mới. Xu hướng trung dài hạn của VN-Index vẫn duy trì tăng điểm tuy nhiên cần tích lũy thêm sau các rung lắc mạnh trước khi có các diễn biến tích cực hơn trong thời gian tới.

Thị trường trong ngắn hạn đang trong nhịp điều chỉnh với biến động mạnh, động thái điều chỉnh và tạo nền có thể còn kéo dài và cần thiết để thị trường tích lũy nội lực cho nhịp tăng tiếp theo, các nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng ở giai đoạn hiện tại và kiên nhẫn chờ thêm các tín hiệu tin cậy về nhịp hồi phục của VnIndex. Đối với nhà đầu tư trung, dài hạn trong các bản tin ngày và tuần chúng tôi đều khuyến nghị giải ngân trong giai đoạn vừa qua từ chân sóng, do đó nếu tuân thủ chiến lược giải ngân nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

18/9/2023

-

22/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IDC	49.10	43-45	55-57	41	12.4	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.80	11.5-13	15.5-16	12	4.8	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	51.00	46-48	57-59	43	7.8	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	20.95	19.5-21	25.5-26	18	13.1	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.80	24-25.6	29-30	22	10.4	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	21.80	18.5-20	24-25	17.5	21.0	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	48.00	43.5-46	61-63	41	4.6	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/05/2023	DPR	67.10	51.8	74-76	66	29.5%	Nắm giữ
06/06/2023	KBC	34.00	28.05	34-35	34	21.2%	Nắm giữ
02/08/2023	VNM	77.50	72.95	87-89	78	6.2%	Nắm giữ
02/08/2023	CTG	31.65	30.6	35-37	31	3.4%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

HĐND thành phố Hà Nội nhất trí chủ trương thành lập quận Gia Lâm với 16 phường

Ngày 22/9, trong khuôn khổ Kỳ họp thứ 13, HĐND thành phố Hà Nội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về việc tán thành chủ trương thành lập quận Gia Lâm và các phường thuộc quận Gia Lâm... Theo đó, thành lập quận Gia Lâm trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên là 116,64km², quy mô dân số hơn 300.000 người và thành lập 16 phường trên cơ sở 22 xã, thị trấn của huyện Gia Lâm. 16 phường thuộc quận Gia Lâm gồm: Trâu Quỳ, Dương Xá, Đa Tốn, Kiều Kỵ, Ninh Hiệp, Yên Thường, Cổ Bi, Đặng Xá, Dương Quang, Lệ Chi, Yên Viên, Phú Đồng, Thiên Đức, Phú Sơn, Bát Tràng và Kim Đức.

Đề nghị các tập đoàn, quỹ đầu tư lớn của Hoa Kỳ hợp tác, hỗ trợ xây dựng trung tâm tài chính

Tối 21/9, theo giờ địa phương, tại New York, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã có cuộc tọa đàm, ăn tối làm việc với lãnh đạo các tập đoàn đa quốc gia và các quỹ đầu tư tài chính lớn của Mỹ. Phát biểu tại cuộc tọa đàm, Thủ tướng nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Joe Biden, với việc Việt Nam và Mỹ đã cùng nhau nâng cấp quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững, mở ra những cơ hội hợp tác mới trong hợp tác thương mại và đầu tư.

Xuất khẩu nửa đầu tháng 9 mang về 14,3 tỷ USD

Số liệu thống kê sơ bộ mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 9/2023 (1-15/9) đạt 28,07 tỷ USD, giảm 15,4% (tương ứng giảm 5,13 tỷ USD) so với nửa cuối tháng 8/2023. Kết quả đạt được trong nửa đầu tháng 9/2023 đã đưa tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15/9/2023 đạt 464,08 tỷ USD, giảm 11,9%, tương ứng giảm 62,82 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2022.

Dự án đường sắt đô thị với mức đầu tư hơn 65.400 tỷ đồng sẽ được triển khai tại Hà Nội

Hà Nội sẽ triển khai dự án đường sắt đô thị tuyến số 5 (Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc). Dự án dự kiến được đầu tư hơn 65.400 tỷ đồng, sử dụng vốn ngân sách thành phố Hà Nội, được đầu tư một lần, không thực hiện phân kỳ đầu tư. Nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, có thể cân đối bố trí bổ sung giai đoạn 2026 - 2030. Dự án đi qua các quận Ba Đình, Đống Đa, Cầu Giấy, Nam Từ Liêm và các huyện Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất.

TIN DOANH NGHIỆP

Trước ngày chào sàn, BCG Land gia hạn thành công lô trái phiếu 2,500 tỷ và sở hữu “của để dành” hơn 1,716 tỷ đồng

Thông tin từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) cho biết BCG Land vừa thông báo đã hoàn tất việc xin ý kiến người sở hữu trái phiếu về việc điều chỉnh kỳ hạn trái phiếu và ngày đáo hạn tại các văn kiện trái phiếu cho mã trái phiếu BCLCH2124001. Công ty CP BCG Land (BCG Land) vừa gia hạn thành công lô trái phiếu BCLCH2124001, giá trị 2,500 tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng điều chỉnh thành kỳ hạn 60 tháng, ngày đáo hạn là 31/3/2026. Dòng tiền và lợi nhuận của BCG Land đang cải thiện tích cực khi ba dự án trọng điểm King Crown Infinity, Malibu Hội An và Hội An d'Or bước vào giai đoạn cuối của quá trình xây dựng và bàn giao.

Bidiphar ước lãi quý 3 tăng 11%, sản xuất thuốc viên điều trị ung thư vào năm 2026

Trong buổi “Hội thảo nhà đầu tư” diễn ra vào sáng ngày 22/09/2023, đại diện CTCP Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar, HOSE: DBD) đã tiết lộ về dự báo kết quả kinh doanh quý 3 và lũy kế 9 tháng năm nay, cũng như một số kế hoạch dự định triển khai sắp tới. Bà Phạm Thị Thanh Hương – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT của DBD cho biết cho biết doanh thu quý 3 ước tăng trưởng 5% so với cùng kỳ, đạt khoảng 414 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ước đạt hơn 79 tỷ đồng, tăng trưởng 11%.

HBC thay đổi phương án phát hành 274 triệu cp trước thêm ĐHĐCĐ bất thường 2023 lần 2

Trong thông báo về ĐHĐCĐ bất thường 2023 lần 2, bên cạnh thông tin về thời gian tổ chức, CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HOSE: HBC) còn thay đổi phương án phát hành 274 triệu cp riêng lẻ so với tài liệu lần 1. So với tài liệu công bố trước ĐHĐCĐ bất thường lần 1, HBC vẫn giữ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 274 triệu cp và giá phát hành từ 12,000 đồng/cp trở lên, nhưng phân bổ lại tỷ lệ cổ phiếu phát hành theo từng phương án.

KIDO: Sản lượng tiêu thụ bánh trung thu đã tăng hơn 60% so với cùng kỳ

Theo tiết lộ từ CTCP Tập đoàn KIDO (HOSE: KDC), sản lượng tiêu thụ bánh trung thu năm nay đã tăng hơn 60% so với cùng kỳ và vượt 10% kế hoạch đề ra. Trước đó, Tập đoàn KIDO dự kiến tung ra thị trường 450 tấn bánh, tăng 50% sản lượng so với cùng kỳ, đồng thời đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bánh trung thu theo công nghệ Nhật. Tập đoàn thực phẩm đặt mục tiêu nắm giữ vị trí số 2 thị trường trung thu vào năm 2025.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OCB	3,848,650	HPG	(20,556,080)
2	DXG	3,687,551	VIC	(5,685,089)
3	PDR	3,186,402	VPB	(4,864,060)
4	KBC	2,802,854	LPB	(4,414,371)
5	VCG	2,443,463	GVR	(4,043,627)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	480,366	SHS	(1,944,705)
2	PVS	261,568	NVB	(500,100)
3	TNG	231,842	DTD	(489,600)
4	TIG	202,600	VIG	(80,900)
5	CEO	146,630	SDT	(72,200)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	19.60	17.75	↓ -9.44%	193,409,518
NVL	18.90	17.40	↓ -7.94%	190,065,800
SSI	35.50	32.60	↓ -8.17%	187,576,516
VND	24.00	22.55	↓ -6.04%	167,693,900
HPG	27.60	27.30	↓ -1.09%	164,473,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	19.60	17.80	↓ -9.18%	138,546,617
CEO	27.10	23.90	↓ -11.81%	50,774,322
HUT	25.30	23.00	↓ -9.09%	42,078,901
PVS	39.40	37.30	↓ -5.33%	35,368,680
NVB	14.40	13.80	↓ -4.17%	25,779,161

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCO	10.85	13.05	2.2	↑ 20.28%
TLH	8.51	10.10	1.6	↑ 18.68%
CSV	38.60	44.80	6.2	↑ 16.06%
NO1	7.99	9.25	1.3	↑ 15.77%
ANV	35.65	41.10	5.5	↑ 15.29%

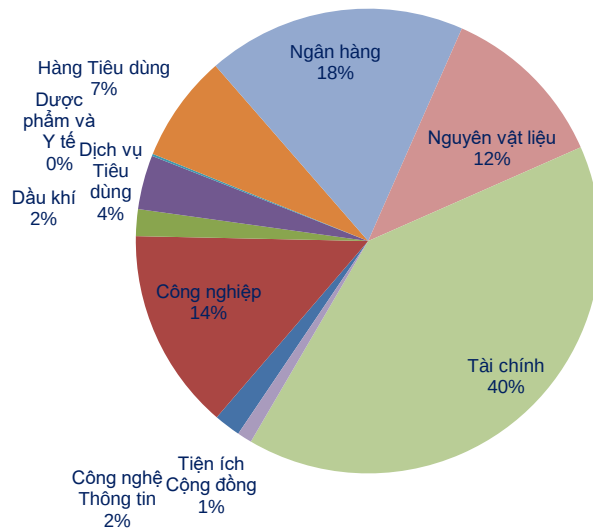
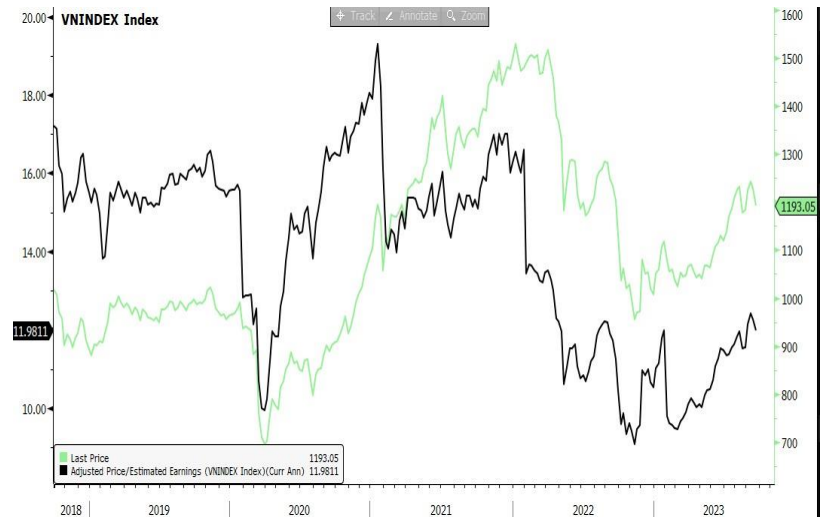
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EBS	11.40	14.30	2.9	↑ 25.44%
SPI	3.30	4.00	0.7	↑ 21.21%
PJC	20.30	24.00	3.7	↑ 18.23%
KDM	17.80	20.80	3.0	↑ 16.85%
LDP	14.00	16.00	2.0	↑ 14.29%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	21.95	19.00	-3.0	↓ -13.44%
FCN	19.00	16.45	-2.6	↓ -13.42%
EVG	7.04	6.12	-0.9	↓ -13.07%
HU1	9.58	8.46	-1.1	↓ -11.69%
TDG	5.09	4.55	-0.5	↓ -10.61%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L61	7.20	5.30	-1.9	↓ -26.39%
TKG	12.20	9.90	-2.3	↓ -18.85%
SSM	8.00	6.50	-1.5	↓ -18.75%
TTC	13.20	11.20	-2.0	↓ -15.15%
HMH	12.70	10.80	-1.9	↓ -14.96%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	193,409,518	7.0%	839	22.7	1.5
NVL	190,065,800	-1.3%	-295	-	0.8
SSI	187,576,516	7.3%	1,093	31.8	2.4
VND	167,693,900	3.9%	467	51.8	2.0
HPG	164,473,500	-2.0%	-328	-	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	138,546,617	4.3%	507	37.9	1.6
CEO	50,774,322	7.7%	944	27.4	2.1
HUT	42,078,901	1.3%	133	187.8	5.7
PVS	35,368,680	7.2%	1,953	19.7	1.4
NVB	25,779,161	-0.1%	-12	-	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TCO	↑ 20.3%	11.2%	1,868	7.5	0.8
TLH	↑ 18.7%	-5.0%	-848	-	0.6
CSV	↑ 16.1%	17.8%	5,821	7.2	1.3
NO1	↑ 15.8%	9.9%	1,256	7.8	0.8
ANV	↑ 15.3%	9.1%	2,074	19.2	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
EBS	↑ 25.4%	7.7%	1,138	12.6	1.0
SPI	↑ 21.2%	-4.7%	-451	-	0.4
PJC	↑ 18.2%	18.1%	3,339	6.9	1.3
KDM	↑ 16.9%	-2.4%	-253	-	2.0
LDP	↑ 14.3%	-26.2%	-2,299	-	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	3,848,650	16.3%	3,041	4.8	0.7
DXG	3,687,551	-1.4%	-317	-	1.0
PDR	3,186,402	8.2%	1,118	23.5	2.1
KBC	2,802,854	17.8%	4,373	8.2	1.4
VCG	2,443,463	3.6%	672	40.4	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	480,366	20.7%	3,969	12.7	2.7
PVS	261,568	7.2%	1,953	19.7	1.4
TNG	231,842	15.5%	2,372	9.4	1.5
TIG	202,600	7.6%	1,091	10.5	0.8
CEO	146,630	7.7%	944	27.4	2.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	486,251	23.0%	5,797	15.0	3.2
BID	228,645	19.0%	4,025	11.2	2.0
VHM	218,589	29.1%	10,341	4.9	1.3
GAS	203,836	20.3%	6,680	15.9	3.0
VIC	199,087	3.9%	1,395	37.4	1.4

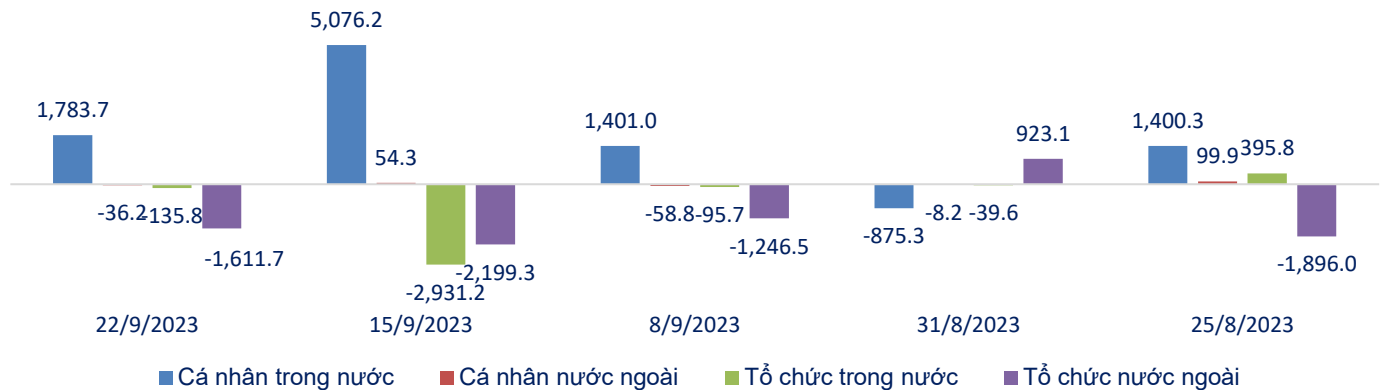
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	22,224	1.3%	133	187.8	5.7
PVS	18,354	7.2%	1,953	19.7	1.4
IDC	16,632	20.7%	3,969	12.7	2.7
SHS	15,613	4.3%	507	37.9	1.6
THD	13,783	2.9%	458	78.1	2.3



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	570.65	-2.0%	(328)	-	1.7
VIC	385.62	3.9%	1,395	37.4	1.4
SSI	334.08	7.3%	1,093	31.8	2.4
HDB	277.68	20.3%	2,765	6.3	1.3
GEX	182.30	1.6%	385	61.7	0.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-384.99	11.1%	1,728	12.5	1.4
EVF	-170.98	8.3%	1,031	12.1	1.0
VJC	-159.34	-14.1%	(4,026)	-	3.6
KBC	-125.36	17.8%	4,373	8.2	1.4
OCB	-63.34	16.3%	3,041	4.8	0.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	37.92	17.5%	2,414	6.2	1.0
VIX	24.90	7.0%	839	22.7	1.5
VIC	16.50	3.9%	1,395	37.4	1.4
SSI	11.58	7.3%	1,093	31.8	2.4
VHM	7.95	29.1%	10,341	4.9	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-24.98	23.9%	3,937	19.8	4.4
HDB	-20.79	20.3%	2,765	6.3	1.3
DGC	-19.22	36.6%	10,780	8.7	3.1
TPB	-14.49	18.6%	2,686	7.1	1.4
CII	-13.61	0.7%	216	103.7	0.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	491.19	11.1%	1,728	12.5	1.4
VJC	176.20	-14.1%	(4,026)	-	3.6
EVF	172.11	8.3%	1,031	12.1	1.0
KDH	70.65	7.5%	1,281	27.2	1.9
FUESSVFL	56.85	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-266.11	20.3%	2,765	6.3	1.3
SSI	-261.90	7.3%	1,093	31.8	2.4
GEX	-114.61	1.6%	385	61.7	0.9
DXG	-85.43	-1.4%	(317)	-	1.0
DIG	-81.31	1.2%	152	180.6	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

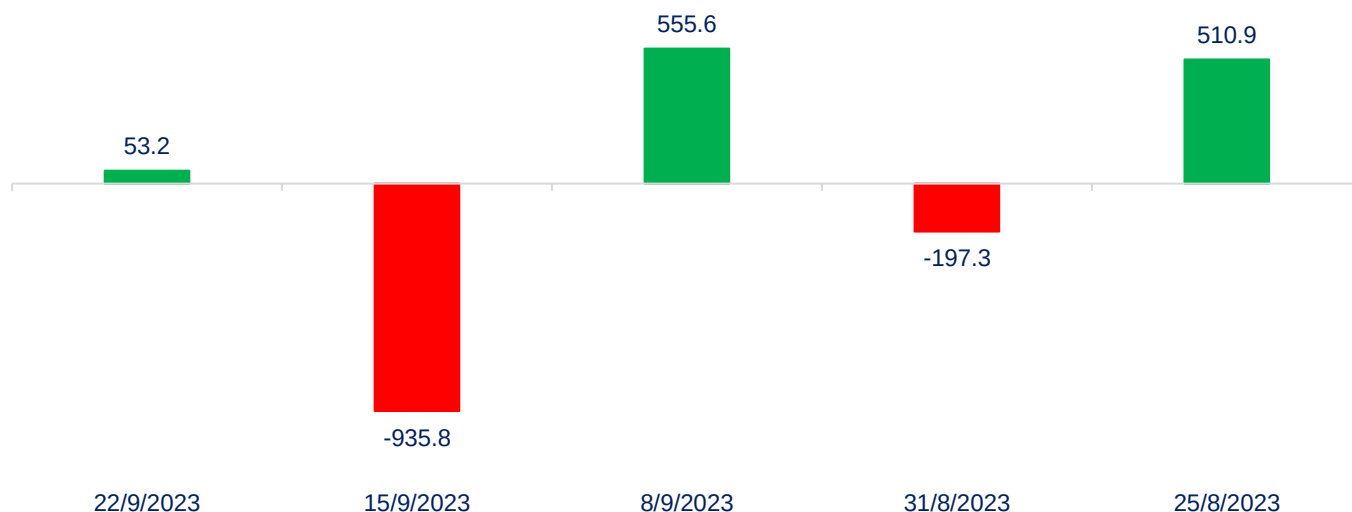
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	101.59	17.8%	4,373	8.2	1.4
VNM	96.96	23.9%	3,937	19.8	4.4
PDR	87.05	8.2%	1,118	23.5	2.1
DGC	86.32	36.6%	10,780	8.7	3.1
SGN	85.91	21.6%	5,674	12.6	2.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

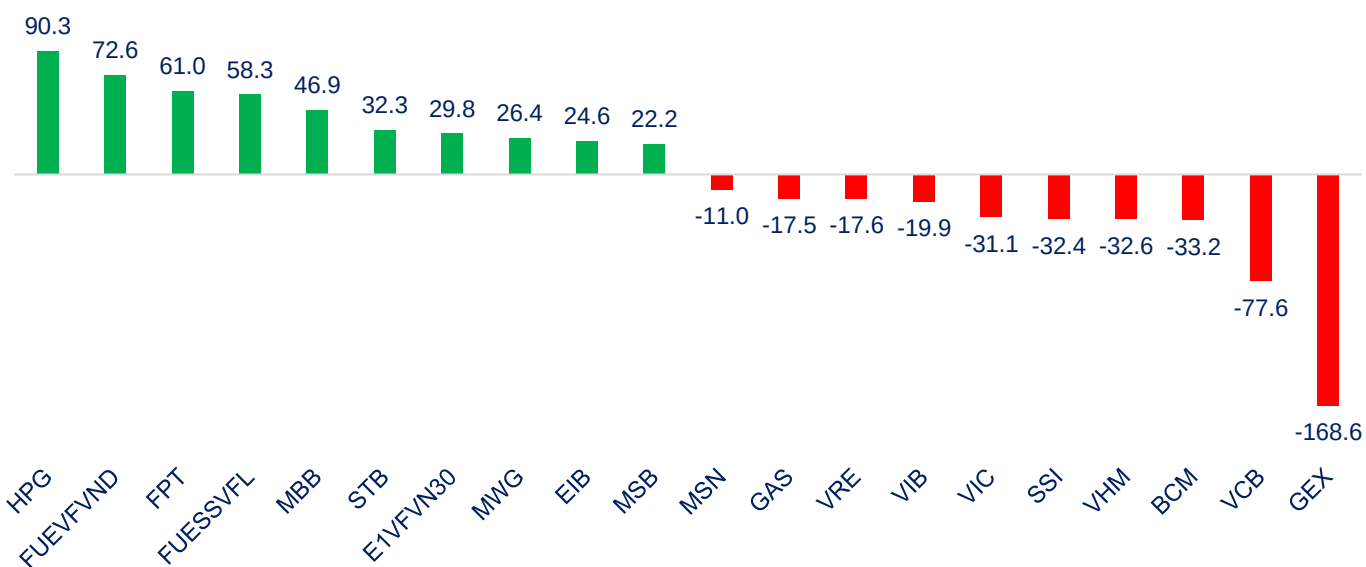
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-577.33	-2.0%	(328)	-	1.7
VIC	-340.29	3.9%	1,395	37.4	1.4
MWG	-144.59	6.6%	1,069	50.7	3.4
MSN	-109.01	3.6%	920	85.7	3.0
VPB	-102.55	11.1%	1,728	12.5	1.4



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
16/8/2023	22/9/2023	24/8/2023	23/8/2023	OIL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	22/9/2023	30/8/2023	29/8/2023	CDP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/8/2023	22/9/2023	8/9/2023	7/9/2023	VID	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/9/2023	22/9/2023	15/9/2023	14/9/2023	VSA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/9/2023	22/9/2023	22/9/2023	22/9/2023	AGE	Tạm dừng Niêm yết
29/8/2023	22/9/2023	5/9/2023	31/8/2023	SPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/8/2023	25/9/2023	28/8/2023	25/8/2023	DHC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/8/2023	25/9/2023	24/8/2023	23/8/2023	TSJ	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/8/2023	25/9/2023	7/9/2023	6/9/2023	DUS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/8/2023	25/9/2023	5/9/2023	31/8/2023	HDW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	25/9/2023	7/9/2023	6/9/2023	VLW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/8/2023	25/9/2023	8/9/2023	7/9/2023	CTT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/8/2023	25/9/2023	6/9/2023	5/9/2023	GER	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/9/2023	25/9/2023	15/9/2023	14/9/2023	DHA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/9/2023	25/9/2023	15/9/2023	14/9/2023	TTT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31/8/2023	25/9/2023	11/9/2023	8/9/2023	CAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/8/2023	26/9/2023	30/8/2023	29/8/2023	VLP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	26/9/2023	5/9/2023	31/8/2023	ICN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/8/2023	26/9/2023	11/9/2023	8/9/2023	PSW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/9/2023	26/9/2023	18/9/2023	15/9/2023	NAP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/9/2023	26/9/2023	27/9/2023	26/9/2023	HPT	Phát hành cổ phiếu
28/6/2023	27/9/2023	23/8/2023	22/8/2023	BSR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/7/2023	27/9/2023	6/9/2023	5/9/2023	SBH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/7/2023	27/9/2023	28/8/2023	25/8/2023	GMC	Đại hội Cổ đông Bất thường
9/8/2023	27/9/2023	17/8/2023	16/8/2023	DP1	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/8/2023	27/9/2023	8/9/2023	7/9/2023	TVA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7/9/2023	27/9/2023	13/9/2023	12/9/2023	USD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/9/2023	27/9/2023	11/9/2023	8/9/2023	THB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31/8/2023	27/9/2023	14/9/2023	13/9/2023	VNS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31/8/2023	27/9/2023	22/9/2023	22/9/2023	VE2	Tạm dừng Niêm yết



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhatt.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn